

Số: 1869/QĐ-BVML

Mê Linh, ngày 16 tháng 1 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm hóa chất, vật tư y tế bổ sung lần 2 năm 2024 của Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN MÊ LINH

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số: 15/2017/QH14 ngày 21/06/2017 của Quốc hội về Quản lý sử dụng tài sản công;

Căn cứ Luật số 10/2022/QH15 ngày 10/11/2022 của Quốc hội khóa 15 về thực hiện dân chủ cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý sử dụng tài sản công;

Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017;

Căn cứ Quyết định số 2210/QĐ-BVML ngày 13/12/2024 của Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm hóa chất, vật tư y tế bổ sung lần 2 năm 2024;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính- Kế toán Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm hóa chất, vật tư y tế bổ sung lần 2 năm 2024 của Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh (Theo danh mục đính kèm)

Hình thức công khai: Công khai tại trang thông tin điện tử nội bộ và niêm yết tại bảng tin của đơn vị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực sau 90 ngày.

Điều 3. Các Ông (bà) Trưởng các khoa, phòng có liên quan thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở y tế Hà Nội (Để báo cáo);
- Lưu: VT, TC_KT.



Trần Quang Trịnh

CÔNG KHAI KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Gói thầu: Mua sắm hoá chất, vật tư y tế bổ sung lần 2 năm 2024

(Kèm theo Quyết định số 184/QĐ-BV/ML ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Mê Linh)

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Acid citric	Acid Citric	Trung Quốc	Weifang Ensign Industry Co.,Ltd	Chất bột, kết tinh màu trắng, vị chua đặc trưng	Kg	100	36.000	3.600.000
2	Bông lót	BL1	Việt Nam	An Lành	Bông lót bó bột được dùng làm lớp đệm trong bó bột, được sử dụng trong bệnh viện phòng khám, cơ sở y tế,... Bông lót bó bột được sản xuất từ sợi bông 100% polyester. Khối lượng: 90g/m2 (± 10 g/m2), bông lót bó bột mềm mịn, không thấm nước, có màu trắng đồng đều, không bị đốm màu, bị loang, bẩn, không gây kích ứng khi sử dụng. Bông lót mềm mịn, có màu trắng đồng đều, không bị đốm màu, bị loang, bẩn. Quy cách đóng gói: 5 cuộn/ gói. Kích thước 10cm x 2,7m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cuộn	140	9.430	1.320.200
3	Bột liền 10x2.7m	GT092-100	Trung Quốc	Ningbo Greetmed Medical Instruments Co., Ltd	Nguyên liệu: được làm bằng sợi vải cotton và thạch cao với mật độ sợi vải theo chiều dọc là: 9 sợi/cm, chiều ngang là 6 sợi/cm. Màu: trắng. Tiệt trùng. Đóng gói: 1 cuộn/túi. Thời gian đông cứng của sản phẩm là từ trên 2 phút và không nhiều hơn 15 phút. Kích thước của sản phẩm: Chiều rộng: 10cm. Chiều dài: 2.7m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cuộn	70	8.500	595.000
4	Bột liền 15x2.7m	GT092-100	Trung Quốc	Ningbo Greetmed Medical Instruments Co., Ltd	Nguyên liệu: được làm bằng sợi vải cotton và thạch cao với mật độ sợi vải theo chiều dọc là: 9 sợi/cm, chiều ngang là 6 sợi/cm. Màu: trắng. Tiệt trùng. Đóng gói: 1 cuộn/ túi. Thời gian đông cứng của sản phẩm là từ trên 2 phút và không nhiều hơn 15 phút. Kích thước của sản phẩm: Chiều rộng: 15cm. Chiều dài: 2.7m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cuộn	110	13.200	1.452.000
5	Bơm tiêm 10ml	BTK10: MPV	Việt Nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 12ml, vạch chia nhỏ nhất $\leq 0,2$ ml - Pít tổng có khóa bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485.	Cái	22.800	1.200	27.360.000

	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
6	Bơm tiêm 1ml	BTK1: MPV	Việt Nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết $\leq 0.03\text{ml}$, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim 26Gx1/2". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485.	Cái	50.000	650	32.500.000
7	Bơm tiêm 3ml	BTK3: MPV	Việt Nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	Bơm tiêm nhựa liền kim 3 ml, cỡ kim 23G, 25G sắc nhọn. Pit tổng có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Cái	3.000	730	2.190.000
8	Bơm tiêm 5 ml	BTK5: MPV	Việt Nam	Gói thầu 1: Trúng thầu 1.128.236.000. Thực hiện Gói thầu 2: Trúng thầu 455.824.600. Thực hiện 214.829.400 vẫn đang thực hiện. 240.995.200	Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml - Pit tổng có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485.	Cái	40.000	750	30.000.000
9	Bơm tiêm 50ml	BTK50: MPV	Việt Nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pit tổng có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Đốc xy lanh nhỏ, gắn chắc chắn với tất cả các cỡ kim, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất $\leq 1\text{ml}$ để tiện sử dụng cho trẻ em - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485.	Cái	900	4.200	3.780.000

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
10	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	4160304	Đức	B. Braun Melsungen AG	Kim dẫn đường sắc bén. Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, tránh vận xoắn, đầu chữ J giảm tổn thương khi luồn. Có dao mổ và kim nong bằng nhựa. Catheter bằng chất liệu polyurethan đường kính ngoài 6F, chiều dài 20cm, 1 nòng, kích cỡ nòng G14. Đầu nối catheter có valve 2 chiều, tránh nhiễm khuẩn. Có dây cáp để định vị đầu catheter bằng sóng ECG. Xuất xứ: G7	Cái	5	400.000	2.000.000
11	Clip titan 10mm	0301-10L	Anh Quốc	Grena Ltd	Chất liệu: polymer không tiêu. Dùng để kẹp các cấu trúc mô dạng ống hoặc mạch máu trong quá trình phẫu thuật để cầm máu khi cần sử dụng các clip không tiêu. - Kẹp được mạch máu cỡ 5 mm đến 13 mm - Chiều dài chân clip ngoài: 13.0 mm. Độ dày chân clip: 1.29 mm. Đường kính phần lõi của Clip khi đóng: 1.2 mm, khi mở: 10.2 mm - Có các răng nhọn - gập góc hai bên sắp xếp so le nghiêng về phía mô bị kẹp. Kiểu khớp động Tiêu chuẩn chất lượng: CE. Xuất xứ: nhóm nước G7	Cái	100	65.000	6.500.000
12	Chỉ Chromic Catgut 1/0	2500140	Bỉ	SMI AG	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 1 dài 75cm kim tròn 1/2C dài 40mm. Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai chống rách ngăn khuẩn hiệu quả. Kim thép 300, 302 phủ silicone. Tiêu chuẩn ISO, sản xuất tại Châu Âu.	Sợi	24	32.000	768.000
13	Chỉ khâu Polyglactin 910 số 3/0	15200126	Bỉ	SMI AG	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactine 910 phủ Poly(glycolide-co-L-Lactide) và calcium stearate số 3/0 dài 75cm kim tròn 1/2C dài 26mm duy trì sức căng >65% sau 14 ngày tan hoàn toàn trong 56-70 ngày. Kim thép không gỉ phủ silicon. Tiêu chuẩn ISO CE-Châu Âu	Sợi	36	45.000	1.620.000
14	Chỉ khâu Polyglactin 910 số 4/0	15150122	Bỉ	SMI AG	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactine 910 phủ Poly(glycolide-co-L-Lactide) và calcium stearate số 4/0 dài 75cm kim tròn 1/2C dài 22mm duy trì sức căng >65% sau 14 ngày tan hoàn toàn trong 56-70 ngày. Kim bằng thép không gỉ 300, 302 phủ silicone. Tiêu chuẩn CE Châu Âu.	Sợi	72	45.000	3.240.000
15	Chỉ khâu tiêu nhanh Polyglycolic acid số 3/0	11200126	Bỉ	SMI AG	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp đa sợi chất liệu Polyglycolic acid số 3/0 được bao bởi 1 lớp Calcium stearate, este axit béo saccharose và polycaprolactone KT: dài 75cm kim tròn vòng kim 26mm cong 1/2C, Tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016, CE, sản xuất tại Châu Âu	Sợi	12	45.000	540.000
16	Chỉ Nylon 3/0	M25E26	Việt Nam	Công ty TNHH chi phẫu thuật CPT	Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả, mũi vuốt nhọn UltraGlyde	Sợi	96	17.300	1.660.800

840.000

Thân	Danh mục hàng hóa		Ký mã hiệu	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
2.328.000	17	Chi Nylon 4/0	M15E18	Việt Nam	Công ty TNHH chi phẫu thuật CPT	Chi không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 18 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả, mũi vuốt nhọn UltraGlyde	Sợi	36	18.300	658.800
	18	Chi Nylon 6/0	M07E13	Việt Nam	Công ty TNHH chi phẫu thuật CPT	Chi không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 6/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 13 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả, mũi vuốt nhọn UltraGlyde	Sợi	12	40.000	480.000
	19	Dầu parafin ống 5ml	Parafin	Việt Nam	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm Syntech - Nhà máy Hải Dương	Đóng gói : Ống nhựa chứa 5ml dung dịch parafin.	Ống	150	4.000	600.000
	20	Dây truyền dịch	ZLSY-3-00	Trung Quốc	Weifang Huaxing Medical Instruments Co., Ltd	Chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màng lọc chất liệu vải PP không dệt. Ống mềm (dây dẫn chính): mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gập. Van khoá điều chỉnh hộp và kẹp bằng trục lăn, linh hoạt. Đầu nối làm bằng cao su. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Bộ	2.500	3.100	7.750.000
	21	Gạc hút	GH2	Việt Nam	An Lành	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao. Mật độ: 20x18 sợi/ inch. Trọng lượng 25-27 g/m2. Tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. Tốc độ hút nước =< 5 giây. Độ ngấm nước: 12,3gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước: 0,105%. Độ ẩm: 4,62%. Tro sulfate: 0,05% Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không phát hiện. Hàm lượng chất béo: 0,032%. Độ trắng: 84,3%. Có kiểm nghiệm của trung tâm kiểm nghiệm. Quy cách: khổ 0.8m, 100 mét/ tệp, 1000 mét/ kiện Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Mét	8.000	4.170	33.360.000
	22	Gel siêu âm	Starsonog Gel	Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm và Thiết bị Y tế An Phú	Can 5 lít. Phù hợp với tần số siêu âm đang sử dụng. Không gây bắn quần áo, không gây hại đầu dò. Vô khuẩn, không gây mẫn cảm hoặc rất da	Can	5	115.000	575.000
	23	Giấy điện tim 6 căn	MCNK110140/143 S	Trung Quốc	Dongguan Tianyin Paper Industry Co.,Ltd	Kích thước: 110mm x 140mm x 143 sheets, dùng cho máy điện tim.	Tập	200	23.900	4.780.000
	24	Giấy in ảnh siêu âm	UST-110S	Hàn Quốc	UST C&T.,INC	Kích thước 110mm x 20 m. Hộp 10 cuộn. Sử dụng được cho máy siêu âm Sony. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cuộn	480	59.000	28.320.000
	25	Giấy in nhiệt 5.5	MCTR5530/16	Trung Quốc	Dongguan Tianyin Paper Industry Co.,Ltd	Giấy in nhiệt 5,5cm. Kích thước: 55mm x 30m x 16mm, dùng cho máy in nhiệt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cuộn	10	9.800	98.000
	26	Kim châm cứu	dạng túi, cán thép	Trung Quốc	Suzhou Tianxie Acupuncture Instruments Co., Ltd	Kim châm cứu sang trọng, tinh tế. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	51.000	415	21.165.000

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành t
27	Khóa 3 chạc có dây nối	NF13V, NF23V	Trung Quốc	Wenzhou K.L.F. Medical Plastics Co., Ltd	Khóa ba ngã dây nối 10-25 cm, Ống PVC mềm, trong suốt và có sức bền cao. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485	Cái	485	4.800	2.328.000
28	Lam kính	7105	Trung Quốc	Zhejiang Renon Medical Instrument Co., Ltd	Lam kính 7105 là loại lam kính có phần đầu được làm nhám (phần nhám dùng ghi tên bệnh nhân). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	40	21.000	840.000
29	Lưỡi dao mổ các số	10,11,12,15,20,21, 22	Trung Quốc	Huaiyin medical instruments Co., Ltd	Lưỡi dao mổ làm bằng thép không gỉ hoặc thép cacbon đạt chứng chỉ ISO	Cái	300	1.100	330.000
30	Nước Javen 12%	Javen 12%	Việt Nam	Công ty TNHH Hóa chất và Trang thiết bị y tế Thuận Phát	Có màu hơi xanh, có mùi đặc trưng. Can 30 lít.	Lít	120	12.000	1.440.000
31	Ống chống đông Natricitrat	C8-012	Việt Nam	Công ty cổ phần đầu tư y tế An Phú	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước 12x75mm, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, Nắp nhựa LDPE dây kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống. Nắp màu xanh lá cây. Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate 3.8%, hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml máu trên nhãn ống. Có phiếu phân tích chất lượng của cơ quan chức năng kiểm định với nồng độ của dung dịch trinati citrate dihydrat phải ở trong khoảng từ 0,1mol/l đến 0,136mol/l (tương ứng 2,94% đến 4,0%) và Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút, Dùng xét nghiệm liên quan đến yếu tố đông máu và tốc độ lắng máu. Có chứng nhận CE	Ống	200	800	160.000
32	Ống đặt nội khí quản	Endotracheal Tubes (With Cuff)	Trung Quốc	ZhanJiang Star Enterprise Co., Ltd	Đúng kích cỡ theo yêu cầu. Có bóng và có cân quang, ống có đầu nối tiêu chuẩn 15mm. - Chất liệu nhựa tốt mềm dẻo, trơn láng, không dễ gãy vỡ, không kích ứng da. Đầu ống nhẵn, mềm mại, không gây chấn thương niêm mạc khi đặt. Bóng mềm, không dễ vỡ, thân ống có độ cong thích hợp, có vạch chia độ dài 1cm	Cái	250	15.800	3.950.000
33	Ống falcol	HSCT04	Trung Quốc	Henso Medical (Hangzhou) Co., Ltd	Chất liệu nhựa PP, nắp nhựa PE, dung tích 15ml. Được sử dụng cùng với máy ly tâm để tách thuốc thử, tách chất rắn ra khỏi chất lỏng và chất rắn lắng đọng ở phần dưới của ống ly tâm. Chịu được lực ly tâm 6000 vòng/phút.	ống	1.000	1.430	1.430.000
34	Phim DT 8x10inch	Drystar DT 5000 IB	Bỉ	Agfa-Gevaert N.V	Công nghệ in phim khô Kỹ thuật số trực tiếp - Độ dày quang học tối đa: ≥ 3.2 - Gồm nền polyethylene terephthalate dày 168 μm , tương đương 80% trọng lượng, phủ một lớp muối bạc hữu cơ hàm lượng khoảng 1.0 g/m^2 trong chất kết dính hữu cơ và một lượng nhỏ các chất phụ gia, bao phủ bên ngoài bởi một lớp bảo vệ trong suốt. Phù hợp với các dòng máy in Agfa Drystar. Xuất xứ châu Âu. Chứng nhận ISO 13485, CE	Hộp	75	1.700.000	127.500.000

Thành	Ban	hàng	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
35	Phim khô laser 35x43cm (14x17)	DI-HL	Nhật Bản	Fujifilm Material Manufacturing Co., Ltd	Phim X-quang laser kích thước 35*43 cm được thiết kế đặc biệt chuyên dùng máy in phim laser Drypix. Cấu tạo gồm 4 lớp: lớp bảo vệ phía trên, lớp nền phim , lớp nhạy quang, lớp bảo vệ phía dưới. Phim có nền xanh, nhạy quang, mật độ quang tối đa: 3.3. Thành phần lớp bảo vệ phía trên: 86% gelatin; lớp nền phim 100% polyethylene terephthalate, độ dày của lớp nền phim: 170µm; lớp nhạy quang: 59% latex polymer và 36% phụ gia nhạy quang; lớp bảo vệ phía dưới: 88% gelatin. Nhiệt độ bảo quản phim mới: 10°C - 25°C, độ ẩm 30-60%RH.	Hộp/100 tờ	18	3.800.000	68.400.000	
36	Sonde dạ dày các số	ODD: MPV	Việt Nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr,14Fr,16Fr,18Fr). Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc.	Cái	100	3.900	390.000	
37	Sonde dẫn lưu ổ bụng silicon	DR0507-M-01CH; DR0710-M-01CH	Việt Nam	Công ty TNHH Forte Grow Medical (Việt Nam)	Chất liệu PVC y tế. Dẫn lưu ổ bụng, dẫn lưu ngoài. Màu trắng tự nhiên, ống dây mềm dẻo.	Cái	20	8.500	170.000	
38	Sonde folay 2 nhánh các cỡ	211; 212,	Malaysia	Uro Technology Sdn.Bhd	Nguyên liệu: Cao su không độc tố được tráng silicon. Kích thước đầu tip ngắn: 15-24mm giảm kích thích bàng quang, độ mờ của lòng ống bên trong cho phép theo dõi sự thoát nước của ống thông. Các số 12-28Fr có chiều dài tổng thể: 400mm, chiều dài phễu: 40mm, dung tích bóng chèn: 30ml. Van mềm. Các số trẻ em từ 6-10 Fr có chiều dài tổng thể: 280mm, chiều dài phễu: 40mm, dung tích bóng chèn: 3ml-5ml, van mềm, có que thăm chất liệu Polyeste đường kính 0.55-0.65mm, dài 310mm.Tiệt trùng bằng chiếu xạ Gamma. Đóng gói 2 lớp chắc chắn.Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	50	16.000	800.000	
39	Sonde foley 3 nhánh các cỡ	Foley Catheters (Latex) (3-Way)	Trung Quốc	ZhanJiang Star Enterprise Co., Ltd	3 nhánh có bóng. Dây có chiều dài 40cm (có bóng thể tích 30ml). Chất liệu cao su, độ cong thích hợp. Bề mặt tráng silicone để làm giảm phản ứng, dị ứng, trơn láng không gây tổn thương, không gây kích ứng da, không dễ vỡ, đứt gãy. Tiệt trùng bằng khí E.O, Đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất. Size số 16 đến 26. Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	30	18.000	540.000	
40	Sonde hút nhót các số	DHD: MPV	Việt Nam	Công ty cổ phần Nhựa y tế Việt Nam (MPV)	Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhân bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số, có 2 loại có nắp và không nắp. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng.	Cái	500	2.420	1.210.000	
41	Sonde Nelaton	6010012	Trung Quốc	Zhejiang Renon Medical Instrument Co., Ltd	Ống thông tiểu một nhánh được làm từ 100% mù cao su tự nhiên. Đầu hở với 2 lỗ bên giúp dẫn lưu tối đa. Các số 8,10,12, 14, 16, 18	Cái	60	5.800	348.000	

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
42	Túi Camera	TCMR	Việt Nam	An Lành	Ống nylon 18 x 230 cm. Dây buộc 2,2mm x60 cm Túi nylon 9 x 14 cm. Dây buộc 2,2mm x 30cm Màu sắc đồng đều, có độ trong, bề mặt mịn có độ dẻo dai. Dây cotton màu trắng, có độ bền cao. Yêu cầu an toàn: Không dính bụi bẩn, tạp chất, ko rách, thủng, ko kích ứng da... Được đóng gói trong bao bì giấy có màu chỉ thị tiết trùng dùng trong y tế. Tiết trùng bằng khí EO.Gas. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	150	5.000	750.000
43	Túi đựng nước tiểu	1400701	Trung Quốc	Zhejiang Renon Medical Instrument Co., Ltd	Kích cỡ 2000ml, làm bằng nhựa y tế PVC, không độc hại, tiết trùng bằng khí EO. Độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Van thoát dây chữ T, có van chống trào ngược. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	250	5.200	1.300.000
44	Túi ép phồng tiết trùng dụng cụ 25cm*200m	RSF250	Ba Lan	Informer Med Sp. z o.o.	Cấu tạo: gồm 2 mặt; một mặt là phức hợp polyester, keo, polypropylene đồng trùng hợp 6 lớp có độ dày 52µm, mặt kia bằng giấy y tế cao cấp 70 g/m2; Chi thị màu phù hợp với phương pháp tiết trùng bằng hơi nước, phương pháp tiết trùng EO, phương pháp tiết trùng Formaldehyde. Cỡ 25cm*200m	Cuộn	5	1.950.000	9.750.000
45	Túi ép phồng tiết trùng dụng cụ 30cm*200m	RSF300	Ba Lan	Informer Med Sp. z o.o.	Cấu tạo: gồm 2 mặt; một mặt là phức hợp polyester, keo, polypropylene đồng trùng hợp 6 lớp có độ dày 52µm, mặt kia bằng giấy y tế cao cấp 70 g/m2; Chi thị màu phù hợp với phương pháp tiết trùng bằng hơi nước, phương pháp tiết trùng EO, phương pháp tiết trùng Formaldehyde. Cỡ 30cm*200m	Cuộn	5	2.180.000	10.900.000
46	Que thử nước tiểu 10 thông số	10334754, 03787816, A2300A15	Ba Lan	Kimball Electronics Poland Sp.zo.o	"Que thử nước tiểu 10 thông số được dùng cho máy phân tích nước tiểu Clinitek Status và Clinitek Advantus. - Các thông số xét nghiệm: bilirubin, blood (occult), glucose, ketone (acetoacetic acid), SG, leukocytes, nitrite, pH, protein, urobilinogen."	Test	2.500	8.830	22.075.000
47	Test HBsAg	ITP01003 TC40	Trung Quốc	Intec Products, Inc	"Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 - Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương - Phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh, huyết tương - Độ nhạy: 98.89 %, Độ đặc hiệu: 98.87 % - Vạch kết quả IgG chuột kháng HBsAg-B20 - Vạch chứng IgG dê kháng chuột - Bảo quản ở nhiệt độ thường - Ngưỡng phát hiện 1ng/ml. (dạng Khay)"	Test	400	9.200	3.680.000

	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	
48	Test nhanh chuẩn đoán cúm (Influenza virus A,B)	R0187C	Trung Quốc	Beijing Genesec Biotech, Inc	"Định tính phát hiện kháng nguyên vi rút cúm A/B Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC - Sản phẩm có chứng dương, chứng âm để kiểm chuẩn - Mẫu thử: Dịch mũi, họng, ty hầu - Độ nhạy tương quan: 85.7% - Độ đặc hiệu tương quan: 93.9% - Thành phần Test thử: Vùng cộng hợp có màu đỏ tía được phủ sẵn cộng hợp kháng thể kháng influenza-A và B (cộng hợp kháng thể). 2) màng nitrocellulose có chứa hai vạch kết quả (vạch T1 và T2) và một vạch chứng (vạch C). Vạch T1 phủ sẵn kháng thể kháng influenza-A, vạch T2 phủ sẵn kháng thể kháng influenza-B và vạch C phủ sẵn kháng thể kiểm chứng - Không phản ứng chéo với các mẫu phẩm ở nồng độ nhất định Kháng nguyên NPSARS-coronavirus, Kháng nguyên NPMERS-coronavirus, Kháng nguyên NP Human coronavirus HKU1, Human coronavirus, Adenovirus, Parainfluenza virus..."	Test	300	81.000	24.300.000
49	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng C- reactive protein (CRP)	100-137	Đức	MTI Diagnostics GmbH	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng C-reactive protein (CRP) Sản phẩm có xuất xứ thuốc các nước G7: Đức Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	ml	5	524.000	2.620.000
50	Thuốc thử xét nghiệm Cholesterol	557-124	Đức	MTI Diagnostics GmbH	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Cholesterol Phương pháp: ChOD-PAP (Cholesterol oxidase/peoxidase) Phạm vi: 3-800 mg/dl (0.08-20.7 mmol/l) Giới hạn phát hiện: 3 mg/dl (0.08 mmol/l) Thành phần chính: R1: Pipes buffer, pH 6.9 90 mmol/l Phenol 26 mmol/l Cholesterol oxidase 200 U/l Cholesterol esterase 300 U/l Peroxidase 1250 U/l hoặc 4-Aminoantipyrine 0.4 mmol/l R2: Cholesterol Standard 200 mg/dl (5.17mmol/l) Sản phẩm có xuất xứ thuốc các nước G7: Đức Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485: 2016	ml	1.170	8.828	10.328.760

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
51	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Albumin	557-003	Đức	MTI Diagnostics GmbH	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Albumin Phương pháp đo: Bromocresol green Phạm vi đo: 0.2g/dl – 6.0 g/dl Độ nhạy phân tích (giới hạn phát hiện thấp hơn): 0.2 g/dl hoặc 2 g/l Thành phần chính: R1 Succinate buffer, pH 4.2 75 mmol/l Bromocresol green 0.15 mmol/l Brij 35 7 ml/l Detergents and stabilizers >0.1 % R2 (cat. no.: 963S): Bovine albumin concentration according to CRM 470 (IFCC) 4.0 g/dl RPPHS 91/0619 4.0 g/dl SRM 927a (NIST) 4.5 g/dl Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7: Đức Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485: 2016	ml	390	4.615	1.799.850
52	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Alcohol Ethanol	557B-199	Đức	MTI Diagnostics GmbH	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Alcohol ethanol Phạm vi đo: 3,5 g/L Giới hạn phát hiện thấp hơn là 0.1 g/L Bước sóng 376 nm (360 – 380 nm) Thành phần chính: Buffer pH 8.3 300 mmol/L NAD+ 10 mmol/L Alcohol dehydrogenase (ADH) ^a 200 kU/L Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7: Đức Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	ml	400	47.644	19.057.600
53	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinine	557-172	Đức	MTI Diagnostics GmbH	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinine Phương pháp: Jaffe Phạm vi đo: 0.2 – 15 mg/dL (18 – 1330 µmol/L) Giới hạn phát hiện thấp hơn là 0,2 mg/dL (17,7 µmol/L) Thành phần chính: R1: Sodium hydroxide 0.2 mol/L R2: Picric acid 20 mmol/L Standard: 2 mg/dL (177 µmol/L) Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7: Đức Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	ml	4.920	6.540	32.176.800

Thân		Ký mã hiệu	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
54	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Glucose	557-235	Đức	MTI Diagnostics GmbH	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Glucose Phương pháp: GOD-PAP (Glucose oxidase/ peroxidase) Phạm vi đo: Phương pháp điểm cuối tuyến tính lên đến 400 mg /dl (22.2 mmol/l). Phương pháp động học lên đến 700 mg /dl (38.9 mmol/l). Giới hạn phát hiện: 2 mg/dl Thành phần chính: Phosphate buffer, pH 7.5 0.1 mol/l Phenol 7.5 mmol/l GOD 12000 U/l POD 660 U/l 4-Amino-antipyrine 0.40 mmol/l Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7: Đức Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	ml	1.980	5.417	10.725.660
55	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Triglyceride	557-433	Đức	MTI Diagnostics GmbH	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Triglyceride Phương pháp: GPO-PAP (Glycerol phosphate oxidase/peroxidase) Phạm vi đo: 3-1000 mg/dl (0,05 - 11,4 mmol/l) Giới hạn phát hiện: 3mg / dl (0,05 mmol/l) Thành phần chính: Pipes buffer pH 7.8 50 mmol/l p-Chlorophenol 2 mmol/l Lipoprotein lipase 150000 U/l Glycerolkinase 800 U/l Glycerol - 3 - P- oxidase 4000 U/l Peroxidase 440 U/l 4-Aminoantipyrine 0.7mmol/l ATP 0.3mmol/l Mg2+ 40 mmol/l Na-cholat 0.20 mmol/l Potassium-Hexacyanoferrat(II) 1µmol/l Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7: Đức Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	ml	3.120	14.231	44.400.720
56	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Urea	557-303	Đức	MTI Diagnostics GmbH	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Urea Phương pháp: UV kinetic Phạm vi đo: 5-400 mg/dl (0,83 đến 66,4 mmol/l) Giới hạn phát hiện: 5 mg/dl (0,83 mmol/l) Thành phần chính: R1: TRIS buffer pH 7.8 50 mmol/l GLDH $\geq$ 0.80 U/l Urease $\geq$ 12 U/ml R2: TRIS* buffer pH 9.6 100 mmol/l 2-oxoglutarate 8.3 mmol/l NADH $\geq$ 0.23 mmol/l Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7: Đức Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	ml	4.264	12.159	51.845.976

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
57	Thuốc thử xét nghiệm Gamma-GT	557-216	Đức	MTI Diagnostics GmbH	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Gamma-GT Phương pháp: IFCC Phạm vi đo: 3 - 280 U/l (0.05 - 4.67 μ kat/l) Giới hạn phát hiện: 3 U/l (0.05 μ kat/l) Thành phần chính: R1: Tris Glycylglycine buffer pH 8.25 100 mmol/l R2: L- γ -Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 2.9 mmol/l Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7: Đức Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	ml	656	14.421	9.460.176
58	Thuốc thử xét nghiệm GOT(AST)	557-256	Đức	MTI Diagnostics GmbH	Thuốc thử xét nghiệm định lượng GOT (AST) Phương pháp: IFCC Phạm vi đo: 0.160 ở 340nm hoặc 0.080 ở 365nm Giới hạn phát hiện: 4 U/l hoặc 0.07 μ kat/l Thành phần chính: R1: Tris buffer pH 7.8 100 mmol/l L-Aspartate 200 mmol/l LDH 800 U/l MDH 600 U/l R2: NADH2 0.18 mmol/l 2-Oxoglutarate 12 mmol/l Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7: Đức Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485: 2016	ml	4.920	11.027	54.252.840
59	Thuốc thử xét nghiệm GPT(ALT)	557-266	Đức	MTI Diagnostics GmbH	Thuốc thử xét nghiệm định lượng GPT (ALT) trong huyết thanh Phương pháp: IFCC Phạm vi đo: 0.160 ở 340 nm hoặc 0,080 ở 365 nm Giới hạn phát hiện: 4 U/l hoặc 0.07 μ kat/l Thành phần chính: R1: Tris buffer pH 7.8 100 mmol/l L-Alanine 500 mmol/l LDH 1200 U/l R2: NADH2 0.18 mmol/l 2-Oxoglutarate 15 mmol/l Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7: Đức Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	ml	4.920	11.027	54.252.840
60	Thuốc thử xét nghiệm Total Protein	557-412	Đức	MTI Diagnostics GmbH	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Total Protein Phương pháp: Biuret Phạm vi đo: 0,2-13 g/dl (2,0-130 g/l) Giới hạn phát hiện: 0,2 g/dl hoặc 2,0 g/l Thành phần chính: Potassium iodide 30 mmol/l Potassium sodium tartrate 32 mmol/l Copper sulphate 18 mmol/l Sodium hydroxide 200 mmol/l Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7: Đức Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	ml	330	5.455	1.800.150

Thành phần hóa học		Ký mã hiệu	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
61	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng Alcohol Ethanol	557B-940	Đức	MTI Diagnostics GmbH	Vật liệu kiểm soát chất lượng định lượng ethanol và amoniac được chuẩn bị từ albumin huyết thanh bò với chất bảo quản và chất ổn định. Giá trị: - Control 1: Ammonia: 85.2 µg/dl, 50.0 µmol/l, Ethyl alcohol: 37.0 mg/dl, 8.03 mmol/l - Control 2: Ammonia: 199 µg/dl, 117 µmol/l, Ethyl alcohol: 95.0 mg/dl, 20.6 mmol/l - Control 3: Ammonia: 503 µg/dl, 295 µmol/l, Ethyl alcohol: 246 mg/dl, 53.4 mmol/l Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7: Đức Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	ml	2	625.000	1.250.000
62	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng Creatine kinase – MB (CK-MB)	557B-938	Đức	MTI Diagnostics GmbH	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng Creatine kinase – MB (CK-MB) Dạng đông khô, được điều chế từ huyết thanh người. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	ml	2	2.214.800	4.429.600
63	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng Ferritin	557B-994	Đức	MTI Diagnostics GmbH	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm Ferr, chỉ dùng cho chẩn đoán in vitro Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7: Đức Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	ml	6	352.500	2.115.000
64	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức 1	BV661822	Mỹ	Sreck	- Công dụng: sử dụng như vật liệu kiểm soát cho công thức máu toàn phần (CBC), phân loại các thành phần bạch cầu, hồng cầu lưới, hồng cầu nhân (NRBC) - Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu người đã được ổn định, tế bào bạch cầu ở người, tiểu cầu và hồng cầu nhân được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản. - Bảo quản: từ 2 - 8 °C. Sau mở nắp ổn định trong 7 ngày ở nhiệt độ 2-8 độ C sau khi được đóng lại nắp. - Công dụng: sử dụng như vật liệu kiểm soát cho công thức máu toàn phần (CBC), phân loại các thành phần bạch cầu, hồng cầu lưới, hồng cầu nhân (NRBC) - Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu người đã được ổn định, tế bào bạch cầu ở người, tiểu cầu và hồng cầu nhân được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản. - Bảo quản: từ 2 - 8 °C. Sau mở nắp ổn định trong 7 ngày ở nhiệt độ 2-8 độ C sau khi được đóng lại nắp.	ml	6	1.150.000	6.900.000
65	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức 2	AK060533	Mỹ	Sreck	- Công dụng: sử dụng như vật liệu kiểm soát cho công thức máu toàn phần (CBC), phân loại các thành phần bạch cầu, hồng cầu lưới, hồng cầu nhân (NRBC) - Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu người đã được ổn định, tế bào bạch cầu ở người, tiểu cầu và hồng cầu nhân được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản. - Bảo quản: từ 2 - 8 °C. Sau mở nắp ổn định trong 7 ngày ở nhiệt độ 2-8 độ C sau khi được đóng lại nắp.	ml	6	1.150.000	6.900.000
66	Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức 3	BR875289	Mỹ	Sreck	- Công dụng: sử dụng như vật liệu kiểm soát cho công thức máu toàn phần (CBC), phân loại các thành phần bạch cầu, hồng cầu lưới, hồng cầu nhân (NRBC) - Thành phần: bao gồm tế bào hồng cầu người đã được ổn định, tế bào bạch cầu ở người, tiểu cầu và hồng cầu nhân được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản. - Bảo quản: từ 2 - 8 °C. Sau mở nắp ổn định trong 7 ngày ở nhiệt độ 2-8 độ C sau khi được đóng lại nắp.	ml	6	1.150.000	6.900.000

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
67	Dung dịch đếm số lượng các loại bạch cầu	ZPPAL337564	Singapore	Sysmex	Công dụng: Dung dịch ly giải cho máy xét nghiệm huyết học tự động. Sử dụng kết hợp với Fluorocell WDF để nhuộm tế bào có nhân trong mẫu giúp phân loại bạch cầu Bảo quản: 2 - 35 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày Thành phần: Organic quaternary ammonium salts 0.07%; Nonionic surfactant 0.17%	ml	10.000	2.340	23.400.000
68	Dung dịch nhuộm nhân tế bào bạch cầu	CV377552	Nhật Bản	Sysmex	Công dụng: được sử dụng để đánh dấu các bạch cầu trong các mẫu máu đã được pha loãng và ly giải nhằm phân loại các thành phần bạch cầu bằng máy xét nghiệm huyết học tự động. Bảo quản: 2 - 35 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày Thành phần: Polymethine 0.002%; methanol 3.0%; Ethylene Glycol 96.9%	ml	84	478.425	40.187.700
69	Hóa chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	T436D	Nhật Bản	Nihon Kohden Tomioka Corporation	Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 7.35 đến 7.55 Tinh tan: tan trong nước Thành phần: Sodium chloride 0.44%, Sodium sulphate anhydrous 0.97% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 60 ngày	ml	#####	144	194.400.000
70	Dung dịch ly giải hồng cầu	557-243V7	Đức	MTI Diagnostics GmbH	Dung dịch ly giải hồng cầu Độ chính xác: ≤5.0% Độ chính xác: Trong vòng chạy: CV≤3.0% (n = 20), độ chính xác của lô là ≤6% (n= 3). Kết quả mở rộng NGSP: 4.0% ~ 6.0%. Thành phần chính: Buffer 20mmol/L Sodium chloride 20mmol/L Surfactant 0.05ml/L Perserver < 0.5 ml/L Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7: Đức Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	ml	23.000	2.225	51.175.000

Thành	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
71	Hoà chất dùng cho máy phân tích HbA1c loại A	557-240V1	Đức	MTI Diagnostics GmbH	Hoà chất dùng cho máy phân tích HbA1c loại A Tính chính xác: $\leq 5.0\%$ Độ chính xác: Trong vòng chạy: $CV \leq 3.0\%$ ($n = 20$), độ chính xác của lô là $\leq 6\%$ ($n = 3$). Kết quả mở rộng NGSP: $4.0\% - 6.0\%$. Thành phần chính: NaCl 20mmol/L Phosphate 40mmol/L Perserver $< 0.5\text{ml/L}$ Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7: Đức Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	ml	6.650	5.593	37.193.450
72	Hoà chất dùng cho máy phân tích HbA1c loại B	557-241V1	Đức	MTI Diagnostics GmbH	Hoà chất dùng cho máy phân tích HbA1c loại B Tính chính xác: $\leq 5.0\%$ Độ chính xác: Trong vòng chạy: $CV \leq 3.0\%$ ($n = 20$), độ chính xác của lô là $\leq 6\%$ ($n = 3$). Kết quả mở rộng NGSP: $4.0\% - 6.0\%$. Thành phần chính: NaCl 170mmol/L Phosphate 40mmol/L Perserver $< 0.5\text{ml/L}$ Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7: Đức Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	ml	700	7.476	5.233.200
73	Phin lọc	557-249	Đức	MTI Diagnostics GmbH	Phin lọc Column filter Phin lọc dạng nhựa, được cấu tạo dạng lưới lọc. Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7: Đức Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Chiếc	5	2.864.000	14.320.000
74	Kít tách DNA (hạt từ)	P121-1101-201	Trung Quốc	Acon Biotech (HangZhou) Co., Ltd	Thành phần gồm: - Hạt từ tính: $1 \times 3,5\text{ mL}$ - Dung dịch ly giải: Muối Guanidine $1 \times 7\text{mL}$ - Dung dịch rửa 1 (Đậm đặc): Muối Guanidine $1 \times 9\text{mL}$ - Dung dịch rửa 2: H_2O $1 \times 11\text{mL}$ - Dung dịch rửa giải: Tris, EDTA $1 \times 3,5\text{mL}$ - Paraffin lỏng: $1 \times 1,1\text{mL}$ - Proteinase K: $1 \times 700\mu\text{L}$ - Đĩa giếng sâu 96 giếng: 2 - Tip Combs: 4 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Test	32	100.000	3.200.000
75	Kít tách RNA (hạt từ)	P121-1221-202	Trung Quốc	Acon Biotech (HangZhou) Co., Ltd	Thành phần: Extraction Plate: - Line 1/7: Muối Guanidin: 2 cái - Line 2/8: Muối Guanidin: 2 cái - Line 3/4/9/10: Tris, NaCl: 2 chiếc - Line 5/11: Hạt từ tính: 2 chiếc - Line 6/12: Tris, EDTA: 2 chiếc Tip Comb: 4 chiếc Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Test	32	100.000	3.200.000

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành giá
76	Thuốc thử xét nghiệm định lượng axit deoxyribonucleic (DNA) của virus viêm gan B	P131-1511	Trung Quốc	Acon Biotech (HangZhuou) Co., Ltd	Thành phần gồm: - Chất chuẩn: 04 lọ - Chứng dương cao: 01 lọ - Chứng dương thấp: 01 lọ - Chứng âm: 01 lọ - Cơ chất trộn phản ứng PCR: 01 lọ - Trộn Enzyme: 01 lọ - Chứng nội kiểm: 01 lọ	Test	32	276.250	8.840.000
77	Điện cực xét nghiệm định lượng K ⁺	204-139	Đức	MTI Diagnostics GmbH	Điện cực K electrode Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485: 2016	Chiếc	1	5.420.000	5.420.000
78	Điện cực xét nghiệm định lượng Na ⁺	204-138	Đức	MTI Diagnostics GmbH	Điện cực Na electrode Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Chiếc	1	5.420.000	5.420.000
79	Thuốc thử xét nghiệm định lượng đa thông số điện giải (K, Na, Cl, Ca, pH)	204-122V	Đức	MTI Diagnostics GmbH	Thuốc thử xét nghiệm định lượng đa thông số điện giải (K, Na, Cl, Ca, pH) - Thành phần chính: KCl, NaCl, NaAc, CaCl ₂ , đệm pH, chất hoạt động bề mặt, chất bảo quản. - Giá trị hiệu chuẩn: Calibration A: K ⁺ 4 mmol/L, Na ⁺ 140 mmol/L, Cl ⁻ 100 mmol/L, Ca ²⁺ 1.25 mmol/L, pH 7.4 Calibration B: K ⁺ 8 mmol/L, Na ⁺ 110 mmol/L, Cl ⁻ 70 mmol/L, Ca ²⁺ 2.5 mmol/L, pH 7 - Nồng độ cho mỗi xét nghiệm: Ammonium molybdate 0.4 mmol/l Sulphuric acid 100 mmol/l Hydrochloric acid 100 mmol/l - Mẫu bệnh phẩm: Huyết thanh người - Tương quan tuyến tính hệ số r: K ⁺ ≥0.99, Na ⁺ ≥0.99, Cl ⁻ ≥0.99, Ca ²⁺ ≥0.99 - Độ lệch tuyến tính D: K ⁺ ≤3%, Na ⁺ ≤1%, Cl ⁻ ≤2%, Ca ²⁺ ≤5% - Độ nhạy của phép phân tích K ⁺ ≤0.2mmol/L, Na ⁺ ≤6.7mmol/L, Cl ⁻ ≤6.2mmol/L, Ca ²⁺ ≤0.1mmol/L - Độ chính xác: K ⁺ ≤2%, Na ⁺ ≤1.5%, Cl ⁻ ≤2%, Ca ²⁺ ≤5%, pH ≤ 1% Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7: Đức Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	ml	11.050	9.950	109.947.500
80	CL-Electrode	C040013	Pháp	SFRI SAS	Điện cực Clo dùng cho máy điện giải	Cái	1	7.975.000	7.975.000
81	K ⁺ electrode	C040012	Pháp	SFRI SAS	Điện cực Kali dùng cho máy điện giải	Cái	1	7.975.000	7.975.000
82	Pack ISE 3000	R04S001	Pháp	SFRI SAS	Dùng trong xét nghiệm xác định nồng độ Na, K, Cl trong mẫu huyết thanh trên máy SFRI ISE 3000. Thành phần: Organic buffer < 0.1%, Inorganic salts < 3,0%, Preservative < 0.05%, Deionized water sq. Sản phẩm tương thích với hệ thống máy điện giải ISE 3000	ml	6.000	7.560	45.360.000

	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
83	Công phần ứng cho máy miễn dịch	CMO0601	Trung Quốc	Autobio Diagnostics Co., Ltd	Công phần ứng Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Cái	6.000	2.450	14.700.000
84	Chất phát quang hoá học	CMO0101	Trung Quốc	Autobio Diagnostics Co., Ltd	Chất phát quang hóa học Được sử dụng kết hợp với bộ dụng cụ thuốc thử phù hợp dựa trên công nghệ xét nghiệm miễn dịch vi hạt phát quang hóa học (CLIA Microparticles) để phát hiện các phép đo phục vụ chẩn đoán trong ống nghiệm. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	ml	880	32.500	28.600.000
85	Dung dịch đệm cho máy miễn dịch	CMO0301	Trung Quốc	Autobio Diagnostics Co., Ltd	Dung dịch đệm được sử dụng để làm sạch trong quá trình phản ứng Thành phần chính: Phosphate buffer Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	ml	6.000	2.300	13.800.000
86	Dung dịch pha loãng mẫu cho máy miễn dịch	CMO0201	Trung Quốc	Autobio Diagnostics Co., Ltd	Dung dịch pha loãng mẫu Thành phần chính: NaCl buffer Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	ml	1.000	4.650	4.650.000
87	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AFP (alpha-fetoprotein)	CMB0102	Trung Quốc	Autobio Diagnostics Co., Ltd	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AFP (alpha-fetoprotein) Thành phần chính: Enzyme liên hợp. Horseradish-peroxidase được dán nhãn kháng AFP đơn dòng của chuột trong dung dịch đệm Tris-NaCl có chứa huyết thanh bò. Chứa một lựa chọn các chất bảo quản.	Test	1.200	38.000	45.600.000
88	Thuốc thử xét nghiệm định lượng cardiac troponin I	CMH0202	Trung Quốc	Autobio Diagnostics Co., Ltd	Thành phần chính: Horseradish-peroxidase kháng cTnI đơn dòng của chuột được đánh dấu trong bộ đệm Tris có chứa BSA. Chứa nhiều chất bảo quản. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Test	500	65.000	32.500.000
89	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CYFRA21-1	CMB1202	Trung Quốc	Autobio Diagnostics Co., Ltd	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CYFRA21-1 Thành phần chính: Enzyme liên hợp. Enzyme liên hợp HRP (horseradish peroxidase) được dán nhãn kháng CYFRA 21-1 đơn dòng của chuột trong dung dịch đệm Tris-NaCl chứa BSA (albumin huyết thanh bò) và casein. Chứa một lựa chọn các chất bảo quản. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Test	1.000	90.000	90.000.000
90	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Kháng nguyên carbohydrate 15-3	CMB0702	Trung Quốc	Autobio Diagnostics Co., Ltd	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA15-3 Thành phần chính: Enzyme liên hợp. Horseradish-peroxidase được dán nhãn chuột đơn dòng kháng CA15-3 trong đệm MES chứa huyết thanh bò. Chứa một lựa chọn các chất bảo quản. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Test	200	67.000	13.400.000

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
91	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Kháng nguyên carbohydrate 19-9	CMB0802	Trung Quốc	Autobio Diagnostics Co., Ltd	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA19-9 Thành phần chính: Liên hợp enzym liên hợp. Horseradish-peroxidase được đánh dấu chuột đơn dòng kháng CA19-9 trong đệm Tris có chứa BSA (albumin huyết thanh bò). Chứa một lựa chọn các chất bảo quản. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Test	200	67.000	13.400.000
92	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Kháng nguyên carbohydrate 72-4	CMB1402	Trung Quốc	Autobio Diagnostics Co., Ltd	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA72-4 Thành phần chính: Enzyme liên hợp. HRP (horseradish peroxidase) được dán nhãn kháng CA72-4 đơn dòng của chuột trong dung dịch đệm Tris-HCl chứa gelatin cá. Chứa một lựa chọn các chất bảo quản. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Test	400	90.000	36.000.000
93	Thuốc thử xét nghiệm định lượng kháng nguyên carcinoembryonic	CMB0202	Trung Quốc	Autobio Diagnostics Co., Ltd	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CEA Thành phần chính: Liên hợp Enzyme. Horseradish-peroxidase được dán nhãn Anti-CEA đơn dòng của chuột trong đệm Tris có chứa huyết thanh bò. Chứa một lựa chọn các chất bảo quản. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Test	600	45.120	27.072.000
94	Thuốc thử xét nghiệm định lượng kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt toàn phần	CMB0302	Trung Quốc	Autobio Diagnostics Co., Ltd	Thuốc thử xét nghiệm định lượng kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt toàn phần Thành phần chính: Enzyme liên hợp. Peroxidase củ cải ngựa được gắn nhãn là kháng thể đơn dòng chuột Anti-PSA trong đệm Tris-HCl có chứa BSA và casein. Chứa 2% ProClin 300® và 0,2% chất bảo quản Bronidox. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Test	100	53.000	5.300.000
95	Thuốc thử xét nghiệm định lượng N-terminal pro B-type natriuretic peptide	CMH0402	Trung Quốc	Autobio Diagnostics Co., Ltd	Thành phần chính: 1 lọ mỗi lọ chứa 5,5 ml kháng thể đơn dòng NT-proBNP của chuột được đánh dấu HRP (peroxidase) trong bộ đệm PB có chứa BSA (albumin huyết thanh bò) và casein. Chứa 0,1% chất bảo quản ProClin 300®. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Test	300	197.050	59.115.000
96	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH (thyroid stimulating hormone)	CME0302	Trung Quốc	Autobio Diagnostics Co., Ltd	Thuốc thử xét nghiệm định lượng thyroid stimulating hormone Thành phần chính: Enzyme liên hợp. Đánh dấu peroxidase củ cải ngựa chống TSH trong đệm Tris-NaCl có chứa huyết thanh bò. Chứa chất bảo quản ProClin® 300. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Test	600	32.300	19.380.000
97	Thuốc thử xét nghiệm định lượng thyroxine tự do	CME0502	Trung Quốc	Autobio Diagnostics Co., Ltd	Thuốc thử xét nghiệm định lượng thyroxine tự do Thành phần chính: Enzym liên hợp. Chất chống T4 được gắn nhãn peroxidase củ cải ngựa trong đệm BIS-Tris Propane-NaCl có chứa BSA. Chứa chất bảo quản ProClin® 300. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Test	700	32.300	22.610.000

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
98	Thuốc thử xét nghiệm định lượng triiodothyronine	CME0102	Trung Quốc	Autobio Diagnostics Co., Ltd	Thuốc thử xét nghiệm định lượng triiodothyronine Thành phần chính: Enzym liên hợp. Chất chống T3 được gắn nhãn peroxidase cải ngựa trong đệm BIS-Tris Propane-NaCl có chứa BSA (albumin huyết thanh bò). Chứa chất bảo quản ProClin® 300 và Bronidox. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Test	600	29.926	17.955.600
99	Thuốc thử xét nghiệm định lượng β -Human Chorionic Gonadotropin	CMN0302	Trung Quốc	Autobio Diagnostics Co., Ltd	Thuốc thử xét nghiệm định lượng β -Human Chorionic Gonadotropin Thành phần chính: Enzyme liên hợp. Kháng thể anti- β -hCG được gắn nhãn peroxidase cải ngựa trong đệm PBS có chứa BSA (albumin huyết thanh bò). Chứa một số chất bảo quản. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Test	300	39.140	11.742.000
									1.839.791.222